TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-ST
Ngày 18/7/2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung
Ông Nguyễn Đức Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa

Ngày 18/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N
Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H
Địa chỉ: Đường N, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền số công chứng 000599 Quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 07/01/2022 tại Văn phòng công chứng Đ)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị K
Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

(Ông Nguyễn Minh H và bà Hoàng Thị K đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị N có cho bà Hoàng Thị K vay tiền nhiều lần, cụ

thể:

Ngày 29/4/2020 bà K vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

Ngày 24/6/2020 bà K vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

Ngày 17/11/2020 bà K vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Ngày 06/5/2021 bà K vay 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng)

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị N đã cho bà Hoàng Thị K vay là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

Khi vay hai bên có viết giấy tay, không có công chứng chứng thực. Mặc dù trong các giấy vay tiền không thể hiện mức lãi suất nhưng giữa bà N và bà K có thỏa thuận miệng với nhau là tính lãi theo mức lãi suất ngân hàng.

Đối với các lần vay tiền vào các ngày 29/4/2020, ngày 24/6/2020, ngày 17/11/2020 giữa bà Nvà bà K không ghi rõ thời hạn vay mà chỉ thỏa thuận miệng là khi bà N cần thì bà K sẽ trả. Đối với lần vay tiền vào ngày 06/5/2021 thì bà N và bà K có xác định thời hạn vay là 10 ngày tính từ ngày 06/5/2021 đến ngày 16/5/2021. Tất cả các khoản vay đều không có tài sản thế chấp.

Ngày 16/5/2021, bà N đã yêu cầu bà K trả các khoản nợ vay nhiều lần nhưng bà K không thực hiện trả nợ cho bà N. Vì vậy bà N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Hoàng Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N các khoản tiền cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu đồng)

Số tiền nợ lãi của các khoản vay ngày 29/4/2020, ngày 24/6/2020, ngày 17/11/2020 với tổng số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) thì bà N yêu cầu bà K phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện ngày 03/12/2021 cho đến khi bà K trả hết nợ gốc.

Đối với khoản vay 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) ngày 06/5/2021 thì bà N yêu cầu bà K phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 17/5/2021 cho đến khi bà K trả hết nợ gốc. Bà N chỉ yêu cầu một mình bà K trả nợ.

2. Bị đơn bà Hoàng Thị K trình bày: Tôi xác định lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là đúng. Tôi có vay tiền của bà N, cụ thể:

Ngày 29/4/2020 tôi vay của bà N 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); ngày 24/6/2020 tôi vay của bà N 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); ngày 17/11/2020 tôi vay của bà N 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 06/5/2021 tôi vay của bà N 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Tổng số tiền nợ gốc tôi đã vay của bà Nguyễn Thị N 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

Khi vay hai bên có viết giấy tay, không có công chứng chứng thực, có thỏa thuận miệng với nhau về thời hạn vay và có lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Từ khi vay tiền của bà N đến nay, do dịch bệnh, công việc làm ăn gặp khó khăn nên tôi chưa trả được nợ gốc và nợ lãi cho bà N như thỏa thuận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về khoản nợ gốc thì tôi đồng ý trả số tiền cho bà N số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín

mươi triệu đồng) nhưng tôi đề nghị bà N tạo điều kiện để tôi trả dần hàng tháng, mỗi tháng 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà N về các khoản lãi thì tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc vay mượn tiền giữa tôi với bà N thì chồng tôi không có liên quan.

**** Diễn biến tại phiên tòa:*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hoàng Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng và lãi suất ở mức 10%/năm cho tất cả các khoản vay. Thời gian tính lãi cụ thể: Đối với số tiền 220.000.000 đồng tính lãi từ ngày khởi kiện 03/12/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; Đối với khoản vay 570.000.000 đồng ngày 06/5/2021 tính lãi từ ngày 17/5/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Bà N không đồng ý với đề nghị trả dần nợ của bà K và chỉ yêu cầu một mình bà K trả nợ.

Bà Hoàng Thị K thừa nhận có vay của bà N số tiền 790.000.000 đồng. Do việc làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho bà N như thỏa thuận, hiện nay bà K chỉ có thể trả dần khoản nợ này cho bà N hàng tháng, mỗi tháng 30.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà N về lãi suất thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ và sự thừa nhận của các đương sự thì vào các ngày 29/4/2020, ngày 24/6/2020, ngày 17/11/2020, ngày 06/5/2021 bà Hoàng Thị K có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng. Do bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện là có cơ sở, cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận giữa các bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay tiền, bà K cũng thừa nhận là từ khi vay đến nay chưa trả được nợ gốc, nợ lãi cho bà N. Mức lãi suất 10%/năm mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Buộc bà Hoàng Thị K có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị N, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc là 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu đồng)

+ Nợ lãi của các khoản vay ngày 29/4/2020, ngày 24/6/2020, ngày 17/11/2020 là: (220.000.000 đồng x 10%/năm) x 225 ngày (tính từ ngày 03/12/2021 đến ngày 18/7/2022) = 13.695.000 đồng.

+ Nợ lãi của khoản vay 06/5/2021 là (570.000.000 đồng x 10%/năm) x 421 ngày (tính từ ngày 17/5/2021 đến ngày 18/7/2022) = 66.391.700 đồng

Tổng nợ gốc và lãi suất (*tính đến ngày 18/7/2022*) là: 870.086.700 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm đồng)

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 870.086.700 đồng = [36.000.000 + 2.102.601 (70.086.700 x 3%)] = 38.103.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm không ba ngàn đồng – làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Hoàng Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền: 870.086.700 đồng (*Tám trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm đồng*). Bao gồm:

+ Nợ gốc: 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu đồng);

+ Nợ lãi của tất cả các khoản vay tính đến ngày 18/7/2022: 80.086.700 đồng (*Tám mươi triệu không trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

- *Về án phí:* Bị đơn bà Hoàng Thị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 38.103.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm không ba ngàn đồng – làm tròn)

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền 18.210.000 đồng tạm ứng án phí do Nguyễn Khánh M nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012040 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang